

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## DẦU ĐỘNG CƠ PLC CATER EXPRO

Số CAS: Chưa có thông tin  
Số UN: Chưa có thông tin  
Số đăng ký EC: Chưa có thông tin  
Mã sản phẩm: Chưa có thông tin



**PETROLIMEX**

### PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

**Tên thường gọi:** Dầu động cơ 4 thì PLC CATER EXPRO

**Tên thương mại:** Dầu động cơ 4 thì PLC CATER EXPRO

**Tên khác** (không là tên khoa học): Không xác định

**Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu**  
TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU  
PETROLIMEX - CTCP  
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở  
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:**  
Tổng Công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP  
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q.  
Đống Đa, TP. Hà Nội.  
Tel: 024.38513 205 Fax: 024.38513 207

**Tên nhà sản xuất và địa chỉ:** Tổng Công ty Hóa Dầu Petrolimex – CTCP.  
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

**Mục đích sử dụng:** Dầu dùng cho động cơ 4 thì. Đối với ứng dụng cụ thể, xem bản thông tin về sản phẩm hoặc tham khảo ý kiến đại diện của PLC.

### PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần	Số EC/ CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Phân đoạn chưng cất, dầu thô nặng tách sáp	64742-65-0	-	71.92 – 79.91
Acrylic copolymer	-	-	0.12 – 0.21
Dầu mỏ tinh chế sâu (C15 - C50)	-	-	5.88 – 6.61
Polyamine succinimide	-	-	1.47 – 2.20
Kẽm alkyl dithiophosphate	68649-42-3	-	0.73 – 1.47
Canxi alkaryl sulfonate mạch dài	722503-69-7	-	0.15 – 0.73
Alkaryl sulfonate, các muối gốc kim loại	-	-	0.15 – 0.73
Alkylphenol nhánh và Canxi alkylphenol nhánh	74499-35-7 & 132752-19-3	-	0.04- 0.22

### PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. **Thành phần:** Không phân loại theo Quy định (EC) 1272/2008 sửa đổi.

2. **Nhãn cảnh báo theo Quy định (EC) 1272/2008 sửa đổi**

- **Từ cảnh báo và nhãn cảnh báo:**

Warning



- **Cảnh báo nguy hiểm:** Có thể gây hại cho da khi tiếp xúc trực tiếp (H317).

- **Cảnh báo phòng ngừa:** Tránh hít khói/ bụi/ hơi/ sương sản phẩm (P261). Đeo găng tay, quần áo, kính bảo hộ và tấm chắn giọt bắn (P280). Không sử dụng quần áo nhiễm bẩn trong khu vực làm việc (P272).

- **Xử lý:** Rửa với nhiều xà phòng và nước nếu sản phẩm tiếp xúc với da (P302+P352). Nếu xuất hiện mẩn đỏ và kích ứng: Liên hệ trung tâm y tế (P333+P313). Thay quần áo và giặt sạch trước khi tái sử dụng (P362+P364).

Thải bỏ thùng chứa và sản phẩm theo quy định hiện hành của địa phương, quốc gia, quốc tế (P501).

### PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. **Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)**

Trong trường hợp sản phẩm tiếp xúc với mắt, tháo ngay kính áp tròng (nếu có) và rửa mắt bằng nước. Nếu sản phẩm nóng bắn vào mắt, giữ mắt mở to, ngay lập tức rửa mắt bằng nước sạch trong 15 phút. Tham khảo ý kiến chuyên viên y tế.

2. **Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)**

Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo, giày dép. Trong trường hợp bỏng da, xối nước lạnh cho đến khi dịu vết thương và đưa ngay đến trung tâm y tế. Không cố bóc phần da chết hoặc sử dụng dung môi để loại bỏ sản phẩm dính trên da. Nên sử dụng dầu ăn, sáp hoặc dầu khoáng để hòa tan.

3. **Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp**

Di chuyển ra nơi thoáng đãng nếu hít phải hơi sản phẩm ở nồng độ cao.

Tham khảo ý kiến của các chuyên gia y tế nếu có dấu hiệu bất thường xảy ra.

4. **Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa**

Không cố nôn, liên hệ với chuyên gia y tế để được trợ giúp.

5. **Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có):** Không xác định.

## PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- 1. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** phụ thuộc nhiều vào điều kiện cháy. Sản phẩm là hỗn hợp rắn, lỏng, khí bao gồm: CO, CO<sub>2</sub>, và các hợp chất hữu cơ chưa xác định. Có thể tạo ra các oxit của: N, Zn, Ca, B, P, Mg, S.
- 2. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Nước phun sương, bột, hóa chất khô hoặc CO<sub>2</sub>.
- 3. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Khuyến cáo sử dụng phương tiện chữa cháy bao gồm: mặt nạ phòng độc, bộ đồ phòng cháy, găng tay, giày.

## PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, RÒ RỈ

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:**
  - Thấm chất lỏng bằng cát hoặc đất. Thu gom, đổ vào thùng chứa chất thải và đem đổ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:**
  - Ngăn sự tràn bằng thiết bị ngăn thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp thụ. Ngăn chặn sự xâm nhập vào đường ống, cống rãnh, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế.
  - Thông khí khu vực rò rỉ trong khu vực hẹp hoặc thông khí kém.

## PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng:**
  - Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt.
  - Không ăn uống, hút thuốc tại khu vực sử dụng.
  - Mở phuy, thùng trong khu vực thông gió tốt. Tránh hít phải hơi.
  - Không gia nhiệt sản phẩm quá nhiệt độ bảo quản.
  - Không sử dụng ở nơi có nhiệt độ cao, hoặc gần nơi có nguồn điện/ hơi nước có nhiệt độ cao quá 100°C tránh biến tính sản phẩm.
  - Thực hiện vệ sinh công nghiệp tốt.
  - Chú ý thông gió trong khu vực làm việc.
  - Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp. Rửa tay kỹ càng sau khi tiếp xúc.
  - Nhiệt độ sử dụng tối đa: 65°C
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:**
  - Bảo quản ở nơi mát, khô và thoáng gió. Tránh ánh nắng trực tiếp, nguồn nhiệt và các hóa chất không tương hợp và ôxy hóa mạnh.
  - Bảo quản trong thùng chứa kín, chế tạo/ phủ từ vật liệu: cao su tự nhiên, cao su butadien, PE.
  - Không gia nhiệt quá 65°C.
  - Nhiệt độ bảo quản tối đa: 60°C.

## PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:** Áp dụng các biện pháp trang thiết bị an toàn lao động và kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi sản phẩm.

### 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mặt, mắt: Đeo kính bảo hộ hoặc mặt nạ bảo vệ khi có nguy cơ bắn toé dầu, rửa mắt bằng nước sạch nếu tiếp xúc với mắt.
- Bảo vệ da: Sử dụng quần áo bảo hộ, găng tay, ủng, tạp dề và tấm chắn giọt bắn phù hợp với nồng độ chất nguy hại có trong môi trường làm việc. Đồ bảo hộ nên được làm từ các vật liệu như cao su Nitrile.

**3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Các phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động...

### 4. Thực hiện tốt quy tắc an toàn vệ sinh lao động

- Không ăn uống, hút thuốc khi đang sử dụng.
- Rửa tay trước khi mở nắp và sau khi sử dụng sản phẩm.
- Thay quần áo nhiễm bẩn và các dụng cụ bảo hộ lao động trước khi vào khu vực ăn uống.

## PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

<b>Trạng thái vật lý:</b> Chất lỏng ở nhiệt độ môi trường	<b>Điểm sôi (°C):</b> > 100°C
<b>Màu sắc:</b> Trong	<b>Điểm nóng chảy (°C):</b> Không xác định
<b>Mùi đặc trưng:</b> Mùi đặc trưng	<b>Điểm bắt cháy (°C),</b> min 220 (ASTM D92)
<b>Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:</b> Chưa có thông tin	<b>Nhiệt độ đông đặc (°C):</b> - 21 (ASTM D6749)
<b>Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:</b> Không xác định	<b>Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):</b> Không xác định
<b>Độ hòa tan trong nước:</b> Không tan trong nước	<b>Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):</b> Không xác định
<b>Khối lượng riêng:</b> Không xác định	<b>Độ nhớt:</b> 18 ÷ 20 cSt tại 100°C

## PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

**1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...):

- Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường.
- Khi di chuyển: Giữ chặt, đậy kín lon, phuy, thùng khi không dùng. Không đổ ra cống rãnh hoặc môi trường xung quanh. Sử dụng các dụng cụ chứa phù hợp để tránh làm ô nhiễm môi trường. Dụng cụ chứa sản phẩm sau khi dùng chưa làm sạch có thể gây nguy hiểm.

### 2. Khả năng phản ứng:

- Có thể phản ứng với axit mạnh hoặc các chất oxi hóa mạnh như chlorates, nitrates, peroxides,...

- Sản phẩm nhiệt phân có hại: Alkyl Mercaptan, H<sub>2</sub>S.

## PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

**1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, khả năng sinh sản, biến đổi gen...):**

- Sản phẩm: Sản phẩm này có chứa dầu khoáng đã được tinh chế, không gây ung thư.
- Đột biến gen và các ảnh hưởng đến khả năng sinh sản: Không có dữ liệu.

**2. Các ảnh hưởng cấp tính:**

- Độc cho da: Gây kích ứng da. Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra kích ứng. Các triệu chứng có thể có bao gồm: đau, ngứa, đổi màu, sưng và phỏng rộp. Có thể bỏng nếu tiếp xúc với sản phẩm nóng.
- Độc cho đường hô hấp: nếu hít phải hơi sản phẩm lâu dài hoặc hơi ở nồng độ cao có thể ảnh hưởng đến phổi. Các triệu chứng kích ứng đường hô hấp có thể có bao gồm ho và khó thở.

## PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

**1. Ảnh hưởng về sinh thái:**

Không gây ảnh hưởng xấu cho sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự.

**2. Mức độ phân hủy sinh học:** Dự đoán sản phẩm không dễ phân hủy sinh học.

**3. Khả năng tích tụ sinh học:**

- Yếu tố tập trung sinh học (BCF): Không có dữ liệu.
- Phân vùng Hệ số n-octanol / nước (log Pow) của axit Phosphorodithioic, hỗn hợp este O,O-bis(sec-Bu and isoctyl), các muối kẽm: Không có dữ liệu.

**4. Các ảnh hưởng xấu khác:** Không xác định.

## PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

- Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho con người và môi trường.

- Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Làm rỗng dụng cụ chứa bằng cách xả hết hoàn toàn, đậy nắp chặt và thải bỏ theo quy định đảm bảo an toàn môi trường. Các dụng cụ chứa có thể được tái chế hoặc thu hồi nếu có giấy phép phù hợp theo quy định của Chính phủ.

#### PHẦN XIV. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- Không được xếp vào loại độc hại khi vận chuyển ADR, IMO/IMDG, IATA.
- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo Nghị định số 104/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/11/2009.
- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo Nghị định số 29/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/03/2005.

#### PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

- 1. Luật pháp về đặc thù an toàn, sức khỏe và môi trường của sản phẩm:** Không áp dụng.
- 2. Luật pháp về các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường (đối với các hợp chất độc hại):** Không áp dụng.
- 3. Luật pháp về các hoạt động phòng cháy chữa cháy và an toàn cháy nổ (đối với dầu mỏ và các sản phẩm dễ bay hơi):** Không áp dụng.
- 4. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** Sản phẩm này muốn đưa vào sử dụng tại EU cần phải đăng ký trước cho các hợp chất có mặt trong sản phẩm.

#### PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

- 1. Ngày tháng biên soạn phiếu:** Ngày 19 tháng 07 năm 2022
- 2. Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:** Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

#### **LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC:**

- Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng cho một mục đích cụ thể. Không nên sử dụng sản phẩm cho mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của PLC.
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân theo tất cả các quy định. PLC sẽ không có trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai với những khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc về bản chất của loại sản phẩm này. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết.